

Ngoại giao Việt Nam sau 20 năm đổi mới

Phan Doãn Nam

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Ngoại giao Việt Nam sau 20 năm đổi mới](#)

Phan Doãn Nam

Ngoại giao Việt Nam sau 20 năm đổi mới

Sau 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm cho đất nước khởi sắc về mọi mặt, trong đó có sự đóng góp của mặt trận ngoại giao. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện Đại hội X do Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày nêu rõ: "Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp"(1).

Để thấy rõ hơn ý nghĩa lịch sử của những thành tựu hiện nay về mặt đối ngoại, cần nhớ lại tình hình khó khăn của ta về ngoại giao trước khi tiến hành đổi mới.

Sau khi giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc, tuy còn gặp nhiều khó khăn do 30 năm chiến tranh gây ra, nhưng Việt Nam đã tạo lập được vị thế và uy tín rất cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, do những sai lầm chủ quan, duy ý chí, nóng vội, chúng ta đã lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và bị cô lập về ngoại giao. Nhân tình hình đó, các thế lực chống đối đã lợi dụng những khó khăn của Việt Nam để câu kết với nhau, chống phá ta. Ta còn rất ít bạn bè. Một số nước trước đây ủng hộ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ đã xa lánh ta. Quan hệ giữa nước ta với các nước ASEAN và các nước lớn (trừ Liên Xô và Ấn Độ) gặp nhiều vướng mắc và không giải tỏa được khiến cho nền an ninh

nước ta bấp bênh khi phải đối phó với sự căng thẳng ở cả hai đầu biên giới. Trong lúc đó, những khó khăn về kinh tế lại càng chồng chất vì phải chi tiêu rất lớn cho quân sự, quốc phòng.

Để thoát ra khỏi tình hình khó khăn, tháng 7-1986, Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết 32 xác định rõ chủ trương và điều chỉnh chính sách ngoại giao và tiến tới giải pháp về Cam-pu-chia. Nghị quyết nêu rõ:

- Nhiệm vụ đối ngoại của Việt Nam là kết hợp tốt sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, chủ động tạo thế ổn định để tập trung xây dựng kinh tế.

- Cần chủ động chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, cùng tồn tại hòa bình với Trung Quốc, ASEAN, Mỹ, xây dựng Đông - Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác.

- Cần có một giải pháp về Cam-pu-chia giữ vững được thành quả cách mạng, bảo đảm cho cách mạng Cam-pu-chia tiến lên, tăng cường khối Liên minh ba nước, tạo ra một hoàn cảnh hòa bình ở Đông - Nam Á để ba nước nhanh chóng phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, xây dựng, bảo vệ đất nước.

Có thể nói, đây là một chủ trương đúng đắn nhưng chưa đủ sức để xoay chuyển tình thế. Bởi vì nó được triển khai chậm; yêu cầu của ta đặt ra cho một giải pháp chính trị về Cam-pu-chia quá cao, các bên liên quan khó có thể chấp nhận. Mặt khác, có thể coi đây là một bước trong quá trình đổi mới tư duy đối ngoại nhưng nó diễn ra trong bối cảnh chưa có

một chuyển biến hay đổi mới tư duy trong toàn Đảng, toàn dân nên chủ trương này chưa phát huy được hiệu quả như mong muốn.

Chỉ sau Đại hội Đảng VI (tháng 12-1986) khi Đảng ta đề ra chủ trương đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 ngày 20-5-1988 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới thì ngoại giao mới có bước chuyển biến quan trọng. Với chủ đề "giữ vững hòa bình phát triển kinh tế", Nghị quyết 13 nhấn mạnh nhiệm vụ ngoại giao là phục vụ ổn định chính trị, ưu tiên phát triển kinh tế là hàng đầu, đồng thời bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết còn đưa ra các chủ trương cụ thể để thực hiện việc chuyển hướng về đối ngoại như: góp phần giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, cải thiện quan hệ với các nước ASEAN, mở rộng quan hệ với các nước Tây, Bắc Âu và Nhật Bản, từng bước bình thường hóa quan hệ với Mỹ v.v..

Do đó, có thể xem Nghị quyết 13 (1988) của Bộ Chính trị là cơ sở để phát triển và nâng cao đường lối đối ngoại của ta thành đường lối độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ như ngày nay. Triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị, chúng ta đã ký Hiệp định Pa-ri về một giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia (1991), bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991) và từng bước cải thiện quan hệ với từng nước ASEAN và bản thân tổ chức này. Trên cơ sở những thành tựu mới, Đại hội VII của Đảng (1991) đã tiến thêm một bước là "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Sau Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ (1994), trong lĩnh vực ngoại giao đã có nhiều phát triển mới, nổi lên là ba sự kiện trong năm 1995: bình thường hóa quan hệ với Mỹ (11-7-1995); ký Hiệp định khung hợp tác với Liên minh châu Âu (17-7-1995) và trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các nước Đông - Nam Á - ASEAN (28-7-1995).

Cho đến nay, sau khi tiến hành đổi mới, nước ta đã có quan hệ ngoại giao đầy đủ với 169 nước, trong đó có tất cả các nước láng giềng và các nước lớn, có quan hệ thương mại với trên 180 nước và vùng lãnh thổ, là thành viên chính thức của hầu hết các tổ chức quốc tế lớn. Vai trò của Việt Nam trong Liên hợp quốc và phong trào Không liên kết được đề cao. Chúng ta đã tổ chức tốt nhiều Hội nghị cấp cao lớn như Hội nghị cấp cao Á - Âu và sắp tới sẽ là Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương - APEC 14.

Có thể nói, công cuộc đổi mới đã làm cho vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao và đưa nước ta trở thành một người bạn và là một đối tác tin cậy của nhân dân tất cả các nước.

*

* *

Qua việc nhìn lại những thành tựu đã đạt được về mặt ngoại giao trong 20 năm đổi mới có thể rút ra một số bài học như sau:

Bài học thứ nhất là luôn đổi mới tư duy cho kịp với sự phát triển của thời đại. Dòng chủ lưu của thời đại hiện nay là hòa

bình và phát triển, do đó không thể mang tư duy "chiến tranh lạnh" để giải quyết các vấn đề quốc tế hiện nay. Việc đổi mới tư duy là phải thường xuyên, phải theo kịp thực tiễn của cuộc sống đang biến đổi từng ngày, từng giờ trong thời đại tin học và kinh tế tri thức. Trong thập kỷ 70 của thế kỷ trước, chu kỳ thay đổi của một công nghệ mới là 15 năm, nay chỉ còn 2 năm. Trong quan hệ quốc tế, việc đổi mới tư duy trước hết là qua việc đánh giá tình hình và nắm bắt những xu thế chính của thời đại. Trong thời đại mà hòa bình và phát triển là dòng chảy chính thì hợp tác phải thay cho đối đầu. Hợp tác không có nghĩa là không cạnh tranh, nhưng cạnh tranh là để tăng cường hợp tác chứ không phải để dẫn đến đối đầu.

Do đó, việc đổi mới tư duy sẽ dẫn ta đến việc thay đổi cách xác định bạn, thù. Thời đại đơn thuần dùng ý thức hệ để phân biệt bạn, thù đã qua rồi. Mỗi dân tộc có quyền lựa chọn con đường phát triển riêng của mình. Điều này phù hợp với các quy tắc ứng xử quốc tế.

Đổi mới tư duy còn dẫn đến việc giải quyết những mâu thuẫn quốc tế. Thế giới với trên 200 nước, hàng trăm dân tộc, hàng ngàn bộ tộc và tôn giáo thì không thể không còn mâu thuẫn. Trong thời kỳ "chiến tranh lạnh", phương thức giải quyết mâu thuẫn là theo cách mà ông cha ta thường nói là "cái sảy nảy cái ung". Trong thế giới của hòa bình và phát triển, nếu một khi mâu thuẫn nhỏ xảy ra thì phải thông qua tiếp xúc thương lượng để giải quyết và khi mâu thuẫn lớn xảy ra thì phải biến nó thành mâu thuẫn nhỏ, không để mâu thuẫn dù lớn hay nhỏ ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế.

Bài học thứ hai là đặt lợi ích dân tộc lên trên hết và nắm vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong mọi hoạt động đối ngoại.

Lợi ích cao nhất của nhân dân ta là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết một chân lý ngắn gọn là "không có gì quý hơn độc lập, tự do". Bảy mươi sáu năm đấu tranh của Đảng và 60 năm của chính quyền nhân dân là nhằm thực hiện và bảo vệ lợi ích dân tộc tối cao đó. Lợi ích cao nhất của dân tộc ta hoàn toàn phù hợp với những quyền dân tộc cơ bản mà luật pháp quốc tế đã công nhận. Đó là lợi ích dân tộc chân chính và vĩnh viễn của nhân dân ta, không vì lợi ích trước mắt, cục bộ nào đó mà có thể nhân nhượng. Tuy nhiên, đất nước ta từng bị thực dân phong kiến đô hộ hàng thế kỷ, phải đối đầu với các thế lực đế quốc lớn mạnh hơn gấp nhiều lần nên cuộc đấu tranh để thực hiện những quyền cơ bản của dân tộc ta phải lâu dài, biết thắng từng bước, thậm chí có lúc phải nhân nhượng để tiếp tục tiến lên, nhưng trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta luôn đặt mục tiêu đấu tranh cuối cùng là nhằm thực hiện và bảo vệ lợi ích dân tộc tối cao đó.

Để đạt được và bảo vệ lợi ích tối cao của dân tộc, trong mọi chính sách và hoạt động đối ngoại đòi hỏi phải giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ. Chỉ có độc lập, tự chủ thì trong chủ trương chính sách và biện pháp đấu tranh ngoại giao mới bảo vệ trọn vẹn lợi ích dân tộc mình. Có đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ mới chủ động tránh được sức ép của bên ngoài, bảo đảm được những lợi ích của dân tộc. Điều này không có nghĩa là ta chủ trương theo đuổi một chính

sách dân tộc vị kỷ. Trong khi bảo vệ, đấu tranh cho lợi ích của dân tộc mình, chúng ta đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bài học thứ ba là trong khi chúng ta chủ trương trở thành bạn và đối tác tin cậy của các dân tộc trong cộng đồng quốc tế thì ưu tiên hàng đầu là phải có quan hệ láng giềng tốt với tất cả các nước trong khu vực và có quan hệ cân bằng với tất cả các nước lớn. Trước năm 1986, do quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng và các nước lớn gặp nhiều trắc trở nên trong thời gian gần 10 năm, nước ta bị cô lập về ngoại giao. Quan hệ với các nước lớn rất phức tạp, đòi hỏi phải có một chính sách ngoại giao nhìn xa, trông rộng và tài đối xử khéo léo trên tinh thần cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình.

Thực tiễn của thế giới cho thấy, giữa các nước láng giềng với nhau luôn có những vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại. Ngoài ra, lực lượng so sánh và lợi ích của các nước nằm trong một khu vực, biên giới kế tiếp nhau không bao giờ như nhau. Từ đó có thể nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Giải quyết những mâu thuẫn đó đòi hỏi nỗ lực và thiện chí của tất cả các bên liên quan mà điều kiện đầu tiên là phải có chính sách láng giềng thân thiện, sống hòa hiếu với nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình trên cơ sở gác lại quá khứ, nhìn về tương lai, triệt để tôn trọng các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và các quyền cơ bản của các dân tộc, cùng nhau xây dựng một cộng đồng hòa bình, phát triển và phồn vinh.

Do vị trí địa lý và lịch sử, nước ta có quan hệ với hầu hết các nước lớn. Do đó, nếu chúng ta không có chính sách ngoại giao độc lập, tự chủ thì rất dễ trở thành một "sân chơi" để các nước lớn tranh giành ảnh hưởng và biến nước ta một lần nữa thành nạn nhân của cuộc tranh giành đó. Do đó, xuất phát từ lợi ích tối cao của dân tộc, chúng ta cần thực hiện chính sách ngoại giao cân bằng, triệt để khai thác phát triển quan hệ với các nước lớn, vì sự nghiệp hòa bình, phát triển của đất nước và toàn khu vực, tránh "đi" với nước lớn này để làm đối trọng với nước lớn khác và cần tránh gây hấn thù với bất cứ một nước lớn nào, đặc biệt cần tránh gọi lại quá khứ bi thương giữa dân tộc ta với một số nước lớn đã từng xâm lược hoặc thống trị nước ta trước đây.

Bài học thứ tư là có sự phối hợp chặt chẽ giữa mặt trận ngoại giao và mặt trận kinh tế đối ngoại. Trước đây trong chiến tranh, chúng ta đã tạo được một sức mạnh tổng hợp bằng sự phối hợp giữa ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Ngày nay, bước vào thời bình khi mặt trận kinh tế nổi lên hàng đầu thì giữa ngoại giao và kinh tế cần phối hợp chặt chẽ với nhau. Và không chỉ phối hợp, ngoại giao phải biết làm kinh tế để phục vụ công tác kinh tế. Quan hệ đôi bên có chặt chẽ và có cơ sở vững chắc hay không được thể hiện qua quan hệ kinh tế. Ngoại giao phải là cầu nối đưa doanh nghiệp các nước xích lại gần nhau. Các cuộc đi thăm cấp cao của chúng ta là các dịp tốt để đưa doanh nhân Việt Nam tìm hiểu thị trường, đặt hàng và chào hàng với các xí nghiệp của bạn. Để chuẩn bị cho các chuyến thăm như thế thì vai trò của các đại sứ quán, của các tham tán thương mại

tại các nước sở tại trong việc tham mưu cho các doanh nghiệp trong nước là hết sức quan trọng. Chính kinh tế thương mại là sợi dây ràng buộc quan hệ, là thước đo tầm sâu của quan hệ chính trị, chiến lược. Do đó, việc đánh giá một cơ quan đại diện ngoại giao có năng lực hay không, một phần lớn là xem sự đóng góp của cơ quan đó vào công cuộc xây dựng quan hệ kinh tế - thương mại giữa nước ta với nước đó.

Bài học thứ năm là luôn tuyệt đối trung thành và chấp hành nghiêm chỉnh sự lãnh đạo của Đảng. Ngoại giao khác các ngành khác là ở chỗ nó "động" đến quan hệ với thế giới. Có thể nói "sai một ly đi một dặm". Việc chấp hành nghiêm chỉnh sự lãnh đạo của Đảng diễn ra hằng ngày, thể hiện trong chế độ thỉnh thị báo cáo và phát ngôn.

Sau 20 năm đổi mới, ngoại giao Việt Nam đã đạt được những thành tích to lớn. Tuy nhiên, cũng còn nhiều việc phải làm và nhiều thiếu sót cần khắc phục: Chúng ta vẫn còn chậm trong việc xác định khâu đột phá tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ hợp tác với một số đối tác quan trọng hàng đầu. Trong một số vấn đề đối ngoại phức tạp tồn tại lâu nay và trong hoạt động ngoại giao đa phương, chúng ta chưa thật chủ động tìm ra phương cách ứng xử thích hợp. Quá trình hội nhập quốc tế vẫn còn chậm. Công tác tham mưu cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước về đối ngoại, nghiên cứu cơ bản và dự báo về tình hình thế giới, khu vực, về đối tác cần được tăng cường hơn nữa cả về mức độ cũng như chất lượng, xử lý nhanh nhạy các vấn đề mới nảy sinh có lợi nhất cho đất nước. Cần chú ý hơn nữa khâu quản lý thống

nhất công tác đối ngoại, tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa ngoại giao, kinh tế, quốc phòng; giữa ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân. Cần thống nhất quản lý công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và kiện toàn hơn nữa sự chỉ đạo thống nhất công tác giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành và Bộ Ngoại giao và Ban Đối ngoại Trung ương.

Cần tích cực triển khai nghị quyết Đại hội X của Đảng, hoạt động đối ngoại trong thời gian tới, tiếp tục phát huy tính nhạy bén và tỉnh táo trong nhận thức và đối sách, vừa linh hoạt, vừa kiên định đối với các vấn đề mới nảy sinh nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát huy những thành tựu đã đạt được trong 20 năm đổi mới, góp phần nâng cao hơn nữa vị thế quốc tế của đất nước.

Chú thích:

(1) Xem: Báo Nhân Dân, ngày 19-4-2006, tr 3

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: www.tapchicongsan.org.vn

Được bạn: conbo2 đưa lên

vào ngày: 23 tháng 8 năm 2006